

NGHIÊN CỨU VỀ TÍNH TỰ CHỦ CỦA SINH VIÊN ĐẠI HỌC TRONG GIAI ĐOẠN HỌC TRỰC TUYẾN VÀ HỌC TRỰC TIẾP

Lương Thanh Hương⁺,
Nguyễn Thị Mai Hoa

Học viện Ngân hàng
+ Tác giả liên hệ • Email: huonglt@hvn.edu.vn

Article history

Received: 03/12/2022

Accepted: 10/01/2023

Published: 20/02/2023

Keywords

Learner autonomy, online learning, face-to-face classrooms, Covid-19 pandemic

ABSTRACT

Due to the Covid-19 Pandemic worldwide, some educational institutions implemented online education instead of physical classroom learning. Therefore, it is very important for students to be independent in their learning. This paper examines whether student autonomy differs between traditional and online learning environments through a survey of 225 first, second, and third year students from 03 universities in Vietnam. An ANOVA analysis was performed on the survey data (SPSS). The findings indicate that, although there was no significant difference in the levels of learner autonomy in the three groups during the face-to-face learning period, there was a difference in the online learning phase between the three groups of students. In addition, over the two study periods, there were significant changes in learner autonomy among the first- and second-year students, but not third-year students.

1. Mở đầu

Tính tự chủ (TTC) của người học được coi là một chủ đề thiết yếu trong giảng dạy (Smith & Lamb, 2017). Theo Holec (1981), TTC của người học là một thuật ngữ chỉ khả năng của người học tự chịu trách nhiệm về việc học của mình bằng cách có thể có và chịu trách nhiệm về các quyết định. Những quyết định này liên quan đến việc xác định mục tiêu học tập, xác định nội dung và tiến độ, lựa chọn phương pháp và kỹ thuật học tập, giám sát quy trình/thủ tục tiếp thu. Liên quan đến thuật ngữ này, Victori & Lockhart (1995) khẳng định rằng học tập tự chủ đóng một vai trò quan trọng trong việc học, cho phép người học đạt được kết quả tốt hơn bằng cách làm cho quá trình học tập trở nên cá nhân và tập trung hơn.

Vào cuối năm 2020, để hạn chế việc lây lan của Đại dịch Covid-19, nhiều trường đại học ở Việt Nam đã áp dụng hình thức dạy học trực tuyến thay vì trực tiếp. Điều này đòi hỏi sinh viên (SV) cần chủ động và có trách nhiệm hơn trong học tập, hay nói cách khác TTC cần cao hơn. Tuy nhiên, liệu SV Việt Nam trong giai đoạn học trực tuyến có thực sự có TTC cao hơn so với giai đoạn học trực tiếp hay không là câu hỏi còn bỏ ngỏ. Hơn nữa, hiện chưa có nghiên cứu nào được thực hiện để xem xét sự khác biệt về TTC của người học giữa thời gian học trực tuyến và học trực tiếp ở bậc đại học.

Bài báo này khảo sát TTC của SV đại học trong giai đoạn học trực tuyến và học trực tiếp nhằm trả lời 02 câu hỏi: (1) Có sự khác biệt đáng kể nào về TTC của người học giữa SV năm thứ nhất, năm thứ hai và năm thứ ba trong thời gian học trực tuyến và học trực tiếp hay không?; (2) Có sự khác biệt đáng kể nào về TTC trong học tập của từng nhóm SV theo năm học so với thời gian học trực tuyến và học trực tiếp hay không?.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Một số nghiên cứu về tính tự chủ của người học

Liên quan đến nghiên cứu về TTC của người học ngôn ngữ trong cách học truyền thống, nhiều nghiên cứu đang tìm hiểu quyền tự chủ của người học từ niềm tin và quan điểm của người dạy (Benson, 2016). Phát triển các công cụ để đo lường TTC của người học là một xu hướng khác trong các nghiên cứu gần đây của Murase (2009), Nguyen & Habók (2021), Dixon và cộng sự (2011).

Nghiên cứu về TTC của người học trong học trực tuyến cho thấy, có một số điểm tương đồng về đối tượng với TTC của người học trong cách học trực tiếp. Cụ thể, các nhà nghiên cứu có xu hướng thực hiện nghiên cứu nhằm điều tra thái độ của người học đối với quyền tự chủ của người học ngôn ngữ (Adianingrum, 2017) hoặc điều tra quyền tự chủ của người học từ niềm tin của người học và nhận thức của người học (Surabaya, 2021; Serdyukova & Serdyukov, 2013). Sự khác biệt trong đối tượng nghiên cứu kiểm tra TTC của người học trong học trực tiếp và học trực tuyến là một số nghiên cứu điều tra các yếu tố ảnh hưởng đến TTC của người học (Goulão & Menedez, 2015).

2.2. Phương pháp nghiên cứu và mô hình nghiên cứu

Chúng tôi tiến hành khảo sát ở 03 trường đại học tại Việt Nam gồm: Trường Đại học Kinh doanh và Công nghệ, Trường Đại học Phenikaa, Học viện Ngân hàng trong năm học 2021-2022, với 225 SV từ 06 lớp ngẫu nhiên bao gồm khoảng 40 SV trong mỗi lớp đã tham gia vào nghiên cứu. Những SV này được chia thành ba nhóm, bao gồm 79 SV năm thứ nhất, 76 SV năm thứ hai và 70 SV năm thứ ba. Do sự bùng phát của Đại dịch Covid-19, những SV này đã tham gia các lớp học trực tuyến trong học kỳ đầu tiên của năm học 2021-2022. Sau đó, họ tham gia các lớp học trực tiếp trong học kỳ thứ hai trong giai đoạn phục hồi của đại dịch Covid-19.

Sau mỗi học kỳ, SV được yêu cầu hoàn thành cùng một bảng câu hỏi với Likert 5 thang đánh giá (5 point Likert-scale), bao gồm bốn khía cạnh tự chủ của người học được điều chỉnh từ Xu (2009) bao gồm cách SV thực hiện các chiến lược học tập, lập kế hoạch, theo dõi, tổ chức và đánh giá việc học của họ.

Kết quả bảng câu hỏi được mã hóa theo số (từ 1 đến 5) dựa trên thang đo 5-Likert. Sau đó, dữ liệu thu thập được phân tích bằng ANOVA hai chiều bằng SPSS phiên bản 25 để kiểm tra tác động tương tác của hai chế độ học tập (tức là trực tuyến và trực tiếp) và ba nhóm SV về TTC trong học tập. Giá trị trung bình giữa các nhóm SV được so sánh bằng Post-hoc test (Bonferroni) với $p=0.05$.

Bảng 1. Descriptive Statistics

	Student group	Mean	Std. Deviation	N
Online	Student 1	64.43	7.376	79
	Student 2	61.09	9.730	76
	Student 3	66.47	10.874	70
	Total	63.94	9.587	225
Offline	Student 1	69.51	7.893	79
	Student 2	72.39	9.676	76
	Student 3	68.31	10.873	70
	Total	70.11	9.611	225

Theo thống kê mô tả, có sự khác biệt về mức độ tự chủ trong học tập của từng nhóm SV qua thời gian học trực tuyến và học trực tiếp.

Bảng 2 cho thấy, kết quả kiểm tra ý nghĩa sự tương tác giữa các kỳ học và nhóm SV: có sự khác biệt có ý nghĩa về kết quả học giữa các phân nhóm tạo ra từ sự tổ hợp 2 giai đoạn học và 3 nhóm SV với $F(2, 222)=11,723$; $p<0.05$; Pillai's Trace=0.096; $\eta^2=0.096$. Biến số OnOff (Online và Offline) có ý nghĩa với $F(1, 222)=56,971$; $p<0.05$; Pillai's Trace=0.204; $\eta^2=0.204$.

Bảng 2. Multivariate Tests^a

	Effect	Value	F	Hypothesis df	Error df	Sig.	Partial Eta Squared	Noncent. Parameter	Observed Power ^c
OnOff	Trace	.204	56.971 ^b	1.000	222.000	.000	.204	56.971	1.000
	Wilks' Lambda	.796	56.971 ^b	1.000	222.000	.000	.204	56.971	1.000
	Hotelling's Trace	.257	56.971 ^b	1.000	222.000	.000	.204	56.971	1.000
	Roy's Largest Root	.257	56.971 ^b	1.000	222.000	.000	.204	56.971	1.000
OnOff * F	Pillai's Trace	.096	11.723 ^b	2.000	222.000	.000	.096	23.446	.994
	Wilks' Lambda	.904	11.723 ^b	2.000	222.000	.000	.096	23.446	.994
	Hotelling's Trace	.106	11.723 ^b	2.000	222.000	.000	.096	23.446	.994
	Roy's Largest Root	.106	11.723 ^b	2.000	222.000	.000	.096	23.446	.994

a. Design: Intercept + F

Within Subjects Design: OnOff

b. Exact statistic

c. Computed using alpha=.05

Tại kỳ học online, kết quả tính toán tại bảng 3 cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa về kết quả học tập giữa các nhóm SV với $F(222,2)=6,169$; $p=0,002<0,05$; $\eta^2=0.053$.

Bảng 3. Tests of Between-Subjects Effects

Dependent Variable: Online

Source	Type III Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.	Partial Eta Squared	Noncent. Parameter	Observed Power ^b
Corrected Model	1083.964 ^a	2	541.982	6.169	.002	.053	12.339	.888
Intercept	919201.357	1	919201.357	10463.056	.000	.979	10463.056	1.000
F	1083.964	2	541.982	6.169	.002	.053	12.339	.888
Error	19503.165	222	87.852					
Total	940396.000	225						
Corrected Total	20587.129	224						

a. R Squared=.053 (Adjusted R Squared=.044);

b. Computed using alpha=.05

Kết quả sự khác biệt giữa các nhóm SV cho thấy tại kết quả post-hoc test phương pháp Bonferroni: nhóm Student 1 và 2 không có sự khác biệt có ý nghĩa ($p=0,083>0,05$; Mean Difference=3,34; CI chứa giá trị 0), nhóm Student 1 và 3 không có sự khác biệt có ý nghĩa ($p=0,558>0,05$; Mean Difference=2,04; CI chứa giá trị 0), nhóm Student 2 và 3 có sự khác biệt có ý nghĩa ($p=0,02<0,05$; Mean Difference=5,38; CI không chứa giá trị 0)

Bảng 4. Multiple Comparisons

Dependent Variable: Online

	(I) Student group	(J) Student group	Mean Difference (I-J)	Std. Error	Sig.	95% Confidence Interval	
						Lower Bound	Upper Bound
Bonferroni	Student 1	Student 2	3.34	1.506	.083	-.29	6.97
		Student 3	-2.04	1.539	.558	-5.75	1.67
	Student 2	Student 1	-3.34	1.506	.083	-6.97	.29
		Student 3	-5.38*	1.553	.002	-9.12	-1.63
	Student 3	Student 1	2.04	1.539	.558	-1.67	5.75
		Student 2	5.38*	1.553	.002	1.63	9.12
Games-Howell	Student 1	Student 2	3.34*	1.391	.046	.04	6.63
		Student 3	-2.04	1.542	.385	-5.70	1.62
	Student 2	Student 1	-3.34*	1.391	.046	-6.63	-.04
		Student 3	-5.38*	1.713	.006	-9.44	-1.32
	Student 3	Student 1	2.04	1.542	.385	-1.62	5.70
		Student 2	5.38*	1.713	.006	1.32	9.44

Based on observed means.

The error term is Mean Square(Error) = 87.536;

*. The mean difference is significant at the .05 level

Tại kì học offline, kết quả tính toán tại bảng 5 cho thấy có sự khác biệt có ý nghĩa về kết quả học tập giữa các nhóm SV với $F(222,2)=3,607$; $p=0,029<0,05$; $\eta^2=0,031$.

Bảng 5. Tests of Between-Subjects Effects

Dependent Variable: Offline

Source	Type III Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.	Partial Eta Squared	Noncent. Parameter	Observed Power ^b
Corrected Model	651.232 ^a	2	325.616	3.607	.029	.031	7.215	.663
Intercept	1101956.856	1	1101956.856	12207.921	.000	.982	12207.921	1.000
F	651.232	2	325.616	3.607	.029	.031	7.215	.663
Error	20038.990	222	90.266					
Total	1126693.000	225						
Corrected Total	20690.222	224						

a. R Squared=.031 (Adjusted R Squared=.023)

b. Computed using alpha=.05

Kết quả sự khác biệt giữa các nhóm SV cho thấy tại kết quả post-hoc test phương pháp Bonferroni: nhóm Student 1 và 2 không có sự khác biệt có ý nghĩa ($p=0,179>0,05$; Mean Difference=2,89; CI chứa giá trị 0), nhóm Student 1

và 3 không có sự khác biệt có ý nghĩa ($p=1,000>0,05$; Mean Difference=1,19; CI chứa giá trị 0), nhóm Student 2 và 3 có sự khác biệt có ý nghĩa ($p=0,03<0,05$; Mean Difference=4,08; CI không chứa giá trị 0).

Bảng 6. Multiple Comparisons

Dependent Variable: Offline

	(I) Student group	(J) Student group	Mean Difference (I-J)	Std. Error	Sig.	95% Confidence Interval	
						Lower Bound	Upper Bound
Bonferroni	Student 1	Student 2	-2.89	1.527	.179	-6.57	.79
		Student 3	1.19	1.560	1.000	-2.57	4.95
	Student 2	Student 1	2.89	1.527	.179	-.79	6.57
		Student 3	4.08*	1.574	.030	.28	7.88
	Student 3	Student 1	-1.19	1.560	1.000	-4.95	2.57
		Student 2	-4.08*	1.574	.030	-7.88	-.28
Games-Howell	Student 1	Student 2	-2.89	1.421	.108	-6.25	.48
		Student 3	1.19	1.574	.730	-2.54	4.93
	Student 2	Student 1	2.89	1.421	.108	-.48	6.25
		Student 3	4.08*	1.709	.048	.03	8.13
	Student 3	Student 1	-1.19	1.574	.730	-4.93	2.54
		Student 2	-4.08*	1.709	.048	-8.13	-.03

Based on observed means.

The error term is Mean Square(Error)=90.403.

*. The mean difference is significant at the .05 level.

- Nhóm SV 1:

Bảng 7. Student group * OnOff^a

Measure: Atonomy

Student group	OnOff	Mean	Std. Error	95% Confidence Interval	
				Lower Bound	Upper Bound
Student 1	1	64.430	.830	62.778	66.082
	2	69.506	.888	67.738	71.274

a. Student group = Student 1

Khảo sát nhóm SV 1 trong 2 giai đoạn học: có sự khác biệt về khả năng tự chủ trong việc học tại 2 giai đoạn với $F(1,78)=23,179$; $p<0,05$; $\eta^2=0,229$.

Bảng 8. Tests of Within-Subjects Effects^a

Measure: Atonomy

Source		Type III Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.	Partial Eta Squared	Noncent. Parameter	Observed Power ^b
OnOff	Sphericity Assumed	1017.728	1	1017.728	23.179	.000	.229	23.179	.997
	Greenhouse-Geisser	1017.728	1.000	1017.728	23.179	.000	.229	23.179	.997
	Huynh-Feldt	1017.728	1.000	1017.728	23.179	.000	.229	23.179	.997
	Lower-bound	1017.728	1.000	1017.728	23.179	.000	.229	23.179	.997
OnOff * F	Sphericity Assumed	.000	0000	.000	.
	Greenhouse-Geisser	.000	.000000	.000	.
	Huynh-Feldt	.000	.000000	.000	.
	Lower-bound	.000	.000000	.000	.
Error(OnOff)	Sphericity Assumed	3424.772	78	43.907					
	Greenhouse-Geisser	3424.772	78.000	43.907					
	Huynh-Feldt	3424.772	78.000	43.907					
	Lower-bound	3424.772	78.000	43.907					

a. Student group = Student 1

b. Computed using alpha = .05

Kết quả phân tích sâu đối với nhóm SV 1 tại 2 giai đoạn tại bảng *Pairwise Comparisons^a* với $p<0,05$; Mean Difference=5,076; CI không chứa giá trị 0.

Bảng 9. Pairwise Comparisons^a

Measure: Atonomy

(I) OnOff	(J) OnOff	Mean Difference (I-J)	Std. Error	Sig. ^c	95% Confidence Interval for Difference ^c	
					Lower Bound	Upper Bound
1	2	-5.076*	1.054	.000	-7.175	-2.977
2	1	5.076*	1.054	.000	2.977	7.175

Based on estimated marginal means

*. The mean difference is significant at the .05 level.

a. Student group = Student 1

c. Adjustment for multiple comparisons: Bonferroni.

- Nhóm SV 2:

Bảng 10. Student group * OnOff^a

Measure: Atonomy

Student group	OnOff	Mean	Std. Error	95% Confidence Interval	
				Lower Bound	Upper Bound
Student 1	1	64.430	.830	62.778	66.082
	2	69.506	.888	67.738	71.274

a. Student group = Student 1

Khảo sát nhóm SV 2 trong 2 giai đoạn học: có sự khác biệt về khả năng tự chủ trong việc học tại 2 giai đoạn với $F(1,75)=59,882$; $p<0.05$; $\eta^2=0,444$.

Bảng 11. Tests of Within-Subjects Effects^a

Measure: Atonomy

Source		Type III Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.	Partial Eta Squared	Noncent. Parameter	Observed Power ^b
OnOff	Sphericity Assumed	4854.480	1	4854.480	59.882	.000	.444	59.882	1.000
	Greenhouse-Geisser	4854.480	1.000	4854.480	59.882	.000	.444	59.882	1.000
	Huynh-Feldt	4854.480	1.000	4854.480	59.882	.000	.444	59.882	1.000
	Lower-bound	4854.480	1.000	4854.480	59.882	.000	.444	59.882	1.000
OnOff * F	Sphericity Assumed	.000	0000	.000	.
	Greenhouse-Geisser	.000	.000000	.000	.
	Huynh-Feldt	.000	.000000	.000	.
	Lower-bound	.000	.000000	.000	.
Error(OnOff)	Sphericity Assumed	6080.020	75	81.067					
	Greenhouse-Geisser	6080.020	75.000	81.067					
	Huynh-Feldt	6080.020	75.000	81.067					
	Lower-bound	6080.020	75.000	81.067					

a. Student group = Student 2

b. Computed using alpha = .05

Kết quả phân tích sâu đối với nhóm SV 2 tại 2 giai đoạn tại bảng 12 với $p<0.05$; Mean Difference=11,303; CI không chứa giá trị 0.

Bảng 12. Pairwise Comparisons^a

Measure: Atonomy

(I) OnOff	(J) OnOff	Mean Difference (I-J)	Std. Error	Sig. ^c	95% Confidence Interval for Difference ^c	
					Lower Bound	Upper Bound
1	2	-11.303*	1.461	.000	-14.212	-8.393
2	1	11.303*	1.461	.000	8.393	14.212

Based on estimated marginal means

*. The mean difference is significant at the .05 level.

a. Student group = Student 2

c. Adjustment for multiple comparisons: Bonferroni.

Khảo sát nhóm SV 3 trong 2 giai đoạn học: không sự khác biệt về khả năng tự chủ trong việc học tại 2 giai đoạn với $F(1,69)=118,864$; $p=0.270>0.05$; $\eta^2=0,018$.

Bảng 13. Tests of Within-Subjects Effects^a

Measure: Atonomy

Source		Type III Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.	Partial Eta Squared	Noncent. Parameter	Observed Power ^b
OnOff	Sphericity Assumed	118.864	1	118.864	1.238	.270	.018	1.238	.195
	Greenhouse-Geisser	118.864	1.000	118.864	1.238	.270	.018	1.238	.195
	Huynh-Feldt	118.864	1.000	118.864	1.238	.270	.018	1.238	.195
	Lower-bound	118.864	1.000	118.864	1.238	.270	.018	1.238	.195
OnOff * F	Sphericity Assumed	.000	0000	.000	.
	Greenhouse-Geisser	.000	.000000	.000	.
	Huynh-Feldt	.000	.000000	.000	.
	Lower-bound	.000	.000000	.000	.
Error(OnOff)	Sphericity Assumed	6626.636	69	96.038					
	Greenhouse-Geisser	6626.636	69.000	96.038					
	Huynh-Feldt	6626.636	69.000	96.038					
	Lower-bound	6626.636	69.000	96.038					

a. Student group = Student 3

b. Computed using alpha=.05

Bảng 14. Tests of Within-Subjects Contrasts^a

Measure: Atonomy

Source	OnOff	Type III Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.	Partial Eta Squared	Noncent. Parameter	Observed Power ^b
OnOff	Level 2 vs. Level 1	237.729	1	237.729	1.238	.270	.018	1.238	.195
OnOff * F	Level 2 vs. Level 1	.000	0000	.000	.
Error(OnOff)	Level 2 vs. Level 1	13253.271	69	192.076					

a. Student group = Student 3

b. Computed using alpha=.05

Kết quả phân tích sâu đối với nhóm SV 3 tại 2 giai đoạn tại bảng 11 với $p>0.05$; Mean Difference=1,843; CI không chứa giá trị 0.

Bảng 15. Pairwise Comparisons^a

Measure: Atonomy

(I) OnOff	(J) OnOff	Mean Difference (I-J)	Std. Error	Sig. ^b	95% Confidence Interval for Difference ^b	
					Lower Bound	Upper Bound
1	2	-1.843	1.656	.270	-5.147	1.462
2	1	1.843	1.656	.270	-1.462	5.147

Based on estimated marginal means

a. Student group = Student 3

b. Adjustment for multiple comparisons: Bonferroni.

2.3. Kết quả kiểm định giả thuyết

A3 (SV: năm thứ nhất so với năm thứ hai so với năm thứ ba) x2 (thời gian học: trực tiếp so với trực tuyến) giữa các môn học ANOVA được thực hiện để nghiên cứu sự khác biệt về quyền tự chủ của người học giữa SV năm nhất, năm thứ hai và năm thứ ba với tư cách là một chức năng của thời gian học trực tuyến hoặc thời gian học ngoại tuyến.

Kết quả như sau: TTC của người học giữa ba nhóm SV khi học trực tuyến có sự khác biệt về mặt thống kê: $F(222,2)=3,607$; $p=0,029<0.05$; $\eta^2=0,031$.

- *Câu hỏi 1:* Không có sự khác biệt đáng kể về sự tự chủ của người học giữa SV năm thứ nhất và SV năm thứ hai ($p>0,05$) hoặc giữa SV năm thứ nhất và SV năm thứ ba ($p>0,05$). Trong khi đó, trung bình về mức độ tự chủ trong học tập của SV năm thứ hai cao hơn về mặt thống kê so với SV năm thứ ba ($p<0,05$);

- *Câu hỏi 2:* Khả năng tự học của SV năm thứ hai trong thời gian học trực tiếp (Mean=69,8161) cao hơn về mặt thống kê so với thời gian trực tuyến (Mean=64,5747); Khả năng tự học của SV năm thứ ba trong thời gian học trực tiếp (Mean=72,2976) cao hơn về mặt thống kê so với thời gian trực tuyến (Mean=60,8929).

Kết quả cho thấy, TTC của người học là khác nhau giữa các nhóm theo năm học tại trường đại học và sự thay đổi về TTC của người học trong thời gian học trực tuyến và học trực tiếp của từng nhóm SV.

3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu trên cho thấy có sự khác biệt về tính chủ động của người học giữa ba nhóm SV trong thời gian học trực tuyến với sự khác biệt đáng kể ở SV năm thứ hai và năm thứ ba, khả năng tự chủ trong học tập của SV năm thứ hai có sự thay đổi đáng kể qua hai giai đoạn học tập so với hai nhóm còn lại. Trên cơ sở đó, nghiên cứu đề xuất các phương pháp dạy học nhằm phát huy tính chủ động của người học và gợi ý cho các nghiên cứu tiếp theo, cụ thể: giảng viên có thể cân nhắc các cách phù hợp để bồi dưỡng một nhóm SV cụ thể (tạo điều kiện giúp SV lựa chọn chiến lược, cần có các công cụ/phần mềm trực tuyến hấp dẫn hơn). SV năm thứ nhất có thể cần thêm sự hỗ trợ của giảng viên trong thời gian học trực tuyến vì có sự tăng về mức độ tự chủ của người học từ thời gian học trực tuyến sang trực tiếp. Bên cạnh đó, giảng viên có thể áp dụng phương pháp học “flipped learning”. Đối với SV năm thứ hai, sự tự chủ của người học đã trải qua một sự thay đổi sâu sắc trong giai đoạn học tập trực tuyến và trực tiếp. Sự thay đổi này gợi ý rằng giảng viên nên giao các nhiệm vụ hấp dẫn hơn bằng cách sử dụng các công cụ điện tử như một công cụ hỗ trợ để thúc đẩy mức độ tự chủ của người học. Đối với nhóm thứ ba, SV năm thứ ba, một lớp học tích hợp (hybrid learning) hoặc có sự kết hợp cả hai hình thức học tập (blended learning) được khuyến nghị.

Tuy nhiên, nghiên cứu được tiến hành có một số hạn chế, cụ thể: mỗi nhóm tham gia có quy mô khác nhau với 79 SV năm thứ nhất, 76 SV năm thứ hai và 70 SV năm thứ ba; nghiên cứu được thực hiện trên quy mô nhỏ. Dựa trên những kết quả gần đây và những hạn chế của nghiên cứu, các nghiên cứu trong tương lai có thể điều tra sự tự chủ của người học trên quy mô lớn hơn với các đối tượng SV khác nhau, khảo sát sự tự chủ của SV khi học một môn học cụ thể hoặc kiểm tra sự tự chủ của SV khi sử dụng các công nghệ hệ khác nhau khi học trực tuyến.

Tài liệu tham khảo

- Adianingrum, E. K. (2017). Learner autonomy in language learning: English education students' attitudes. *Conference on Language and Language Teaching, 1999*, 473-478.
- Benson, P. (2016). *Language learner autonomy: Exploring teachers' perspectives on theory and practice*. Language Learner Autonomy: Teachers' Beliefs and Practices in Asian Contexts, XXXIII-XLIII.
- Dixon, D., Ushioda, E., Nesi, H., & Smith, R. (2011). *Measuring language learner autonomy in tertiary-level learners of English*. Centre for Applied Linguistics.
- Goulão, M. de F., & Menezes, R. C. (2015). Learner Autonomy and Self-regulation in eLearning. *Procedia - Social and Behavioral Sciences, 174*, 1900-1907. <https://doi.org/10.1016/j.sbspro.2015.01.853>
- Holec, H. (1981). *Autonomy and Foreign Language Learning*. Oxford/New York: Pergamon Press. (First Published 1979, Council of Europe).
- Murase, F. (2009). *Measuring learner autonomy: A pilot study*. PAC7 at JALT2008 Conference Proceedings, 1252-1261.
- Nguyen, S. Van, & Habók, A. (2021). Designing and validating the learner autonomy perception questionnaire. *Heliyon, 7*(4), e06831. <https://doi.org/10.1016/j.heliyon.2021.e06831>
- Serdyukova, N., & Serdyukov, P. (2013). *Student autonomy in online learning*. CSEDU 2013 - Proceedings of the 5th International Conference on Computer Supported Education, 229-233. <https://doi.org/10.5220/0004353102290233>
- Smith, R., Kuchah, K., & Lamb, M. (2017). *Learner autonomy in developing countries*. In *Autonomy in Language Learning and Teaching: New Research Agendas* (pp. 7-27). Palgrave Macmillan. https://doi.org/10.1057/978-1-137-52998-5_2
- Surabaya, U. N. (2021). Exploring learner autonomy in online classes among Indonesian EFL students. *Research on English Language Teaching in Indonesia, 9*(02), 112-119.
- Victori, M., Lockhart, W. (1995). Enhancing metacognition in self-directed language learning. *System, 23*(2), 223-234. [https://doi.org/10.1016/0346-251X\(95\)00010-H](https://doi.org/10.1016/0346-251X(95)00010-H)
- Xu, J. (2009). A Survey Study of Autonomous Learning by Chinese Non-English Major Post-graduates. *English Language Teaching, 2*(4), 25-32.